

Số: 13/2025/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 25 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị D**, sinh năm: 1984.

CCCD số: 038184017176. Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/07/2021.

Bị đơn: Anh **Lương Xuân Đ**, sinh năm: 1980.

CCCD số: 038080010884. Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/03/2023.

Đều có địa chỉ: Bản B, xã N, huyện Q, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đoàn Văn D - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2025.

XÉT THÁY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự ngày 17 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến hoặc có thêm nguyện vọng gì về thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị D, sinh năm: 1984.

Bị đơn: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1980.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Các đương sự thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh, chị có con chung là Lương Văn Q , sinh ngày 12/02/2003. Hiện tại cháu đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và có cuộc sống riêng nên các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Các đương sự được miễn tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

- **Về các vấn đề khác:** Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2002 của UBND xã N, huyện Q, tỉnh T hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh T
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q (02 bản);
- UBND xã N, H. Q;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh